

ĐẠO CÔNG GIÁO BUỔI ĐẦU TRÊN MẢNH ĐẤT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

ĐOÀN TRIỆU LONG^(*)

G iáo phận Đà Nẵng (gồm thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam) là một giáo phận thuộc loại “sinh sau đẻ muộn” (thành lập vào ngày 18/10/1963), song do những đặc trưng riêng, nơi đây đã chứng kiến sự có mặt của đạo Công giáo khá sớm. Sau khi du nhập, đạo Công giáo đã tạo một chỗ đứng vững chắc ở Quảng Nam, Đà Nẵng và có sự ảnh hưởng quan trọng đối với một khu vực rộng lớn ở Miền Trung cũng như trong cả nước. Hội đồng Giám mục Việt Nam đã nhận xét: “Nhìn vào trang sử hình thành và phát triển của các giáo phận ở Việt Nam, Giáo phận Đà Nẵng được thiết lập năm 1963, là một trong các giáo phận đàn em, nhưng Đà Nẵng là nơi đóng góp những trang sử đầu, chính thức khai mở công cuộc truyền giáo tại Việt Nam, đặc biệt tại Đàng Trong...”⁽¹⁾.

Do nhiều lí do khác nhau, việc nghiên cứu lịch sử du nhập và phát triển của Công giáo ở Giáo phận Đà Nẵng chưa tạo nên một cái nhìn xuyên suốt và có hệ thống. Điều này thật đáng tiếc, vì đã để lại một mảng nhạt không đáng có khi nghiên cứu về lịch sử đạo Công giáo Việt Nam nói chung và Công giáo ở Giáo phận Đà Nẵng nói riêng.

Nhìn lại bối cảnh thế giới và việc truyền giáo vào các thế kỉ XV - XVI, có

thể nói, đây là thời kì Công giáo thực hiện mạnh mẽ quá trình truyền giáo ra “vùng đất ngoại”. Một trong những điểm đến bầy giờ của đạo Công giáo là những nước Châu Á và vùng Viễn Đông. Việt Nam nằm trong khu vực Viễn Đông, tuy nhiên sự có mặt của các giáo sĩ lại muộn hơn so với các nước Nhật Bản, Philippines, v.v... Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó một lí do cơ bản là bởi tình hình chính trị xã hội ở nước ta khi đó có nhiều bất ổn với những cuộc tranh giành quyền lực của các thế lực khi nhà Lê suy yếu.

Cho dù vậy, từ những năm 20 của thế kỉ XVI, đạo Công giáo đã để lại dấu ấn tại mảnh đất Quảng Nam, Đà Nẵng: “Năm 1523, Duarte Coelho được sai làm sứ giả đến điều đình một cuộc liên lạc thương mại giữa người Việt và người Bồ Đào Nha. Gặp lúc trong nước đang rối loạn, không hi vọng có thể gặp nhà vua để điều đình, Duarte Coelho đành rút lui và có ghi lại ở vùng biển một hình Thánh Giá lớn làm kỉ niệm...”⁽²⁾.

*. ThS., Khoa Dân tộc và Tôn giáo, Học viện Chính trị Khu vực III, Đà Nẵng.

1. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Giáo hội Công giáo Việt Nam. Niên giám 2004*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2004, tr. 672.

2. Một Giáo sư Sử học. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam. Quyển 1*. Canada 1998, tr.33.

Ở đây, có một điều mà chúng ta dễ nhận thấy đó là sự có mặt, trực tiếp hoặc gián tiếp, của đạo Công giáo trong chuyến đi của giáo sĩ Duarte Coelho vào năm 1523 bởi hai lẽ:

Một là, đặc trưng của thời kì này là các nhà truyền giáo thường có mặt trên các thương thuyền và cùng các thương gia đặt những mối quan hệ đầu tiên với nước sở tại. Phan Khoang trong *Việt sử xứ Đàng Trong*, khi nói đến sự có mặt của người Châu Âu ở Việt Nam đã nhận xét: “Những người Châu Âu đến đầu tiên là thương nhân và giáo sĩ”⁽³⁾.

Hai là, nếu không liên quan đến đạo Công giáo thì sao Duarte Coelho lại dựng một Thánh Giá lớn tại Quảng Nam, Đà Nẵng làm kỉ niệm?! Điều này dường như đã có câu trả lời bởi vì: “Tháng 6/1556, tức 33 năm sau, Fernão Mendes Pinto, một giáo sĩ Dòng Tên qua ven biển Việt Nam gặp hình Thánh Giá nói trên ở Cù Lao Chàm, người Mã Lai gọi Poulo Champeilo...”⁽⁴⁾. Đến năm 1595, “vua Chey Chetta I nước Chân Lạp yêu cầu toàn quyền Philippines gửi quân sĩ sang giúp củng cố nội bộ và chống ngoại xâm, đồng thời cũng xin một số giáo sĩ sang giảng đạo. Được sự yêu cầu, tỉnh dòng Đa Minh Rất Thánh Mân Côi cử cha bề trên tỉnh Alfonso Jiménez, cha Diego Aduarte và thầy trợ sĩ Juan Bautista Deza. Ba nhà truyền giáo cùng với 330 binh sĩ Tây Ban Nha lên tàu lướt sóng đại dương sang Chân Lạp hồi đầu năm 1596... Đoàn tàu rút lui dọc theo bờ biển ra Quảng Nam thuộc quyền chúa Nguyễn. Từ đàng xa trông lên ngọn đồi gần Cửa Hàn, một Thánh Giá to lớn dựng trên”⁽⁵⁾.

Như vậy, ít ra là từ năm 1523, đạo Công giáo đã để lại dấu ấn của mình

trên vùng đất Quảng Nam, Đà Nẵng. Vài năm sau đó, sự truyền giáo của các giáo sĩ ở vùng đất này được thể hiện một cách rõ ràng hơn. Theo một số tài liệu, vào những năm 1525-1530, ở Việt Nam, có nhiều giáo sĩ Dòng Đa Minh (Dominicains) Tây Ban Nha hay Dòng Tên (Jésuites) Bồ Đào Nha thỉnh thoảng dừng chân giảng đạo tại Đàng Trong của Việt Nam, nhưng điều đó “hoặc là ngẫu nhiên, hoặc chỉ có tính chất thăm dò mà chưa đạt được kết quả gì đáng kể”⁽⁶⁾.

Vào năm 1549, sự có mặt của các giáo sĩ tại Quảng Nam, Đà Nẵng lại một lần nữa được ghi nhận qua lời của Linh mục Philiphê Bỉnh: “Ngày 24/6/1549, Thánh Phanxicô Xavier từ Malacca (thủ phủ Mã Lai) xuống tàu của người Đại Minh (Trung Hoa), cùng đem đi với mình hai thầy dòng và một người giúp việc, là thầy Cosimo de Torre, thầy João Fernão và chú tàu người đã rửa tội cho, mang tên Thánh Manuel lại thêm 3 thầy tớ ông Bảo Lộc (Hashiro) người Nhật, tất cả là 7 người quá giang tàu đó. Sáng ngày 25, tàu kéo cánh ra khỏi sông Malacca. Thời ấy các tàu vượt sang Đại Minh thì phải qua dải biển Quảng Nam, là nơi sóng gió khiến nhiều tàu bị đắm... Khi ngang qua Quảng Nam, gặp phong ba bão táp một ngày một đêm, các hàng hoá phải ném xuống biển, tàu thì dạt vào đất Quảng, không chạy được nữa, vì gặp

3. Phan Khoang. *Việt sử xứ Đàng Trong*. Nxb Văn học, 2001, tr. 426.

4. Một Giáo sư Sử học. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam. Quyển 1*. Canada 1998, tr. 33.

5. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo. Quyển 1*. Canada 1999, tr. 354-355.

6. Nguyễn Văn Kiệm. *Sự du nhập của Thiên Chúa giáo vào Việt Nam*. Hội Khoa học Lịch sử, xuất bản, 2001, tr.50.

gãy giống nọ giống kia nên phải sửa chữa lâu ngày... Ấy vậy, Thánh Phanxicô Xavier đã đến đất An Nam Đàng Trong, dù rằng chẳng có giảng vì có ý sang Nhật, song đã đến nước ta"⁽⁷⁾. Việc giáo sĩ Phanxicô Xavier nổi tiếng có mặt ở Quảng Nam là một mốc đáng nhớ và chắc chắn có những ảnh hưởng nhất định đối với quá trình truyền giáo của các thừa sai thời kì sau này.

Từ năm 1557, người Bồ Đào Nha được vua Lê cho phép lập các trụ sở thương mại ở Hải Phố bên cửa những đoàn tàu buôn thực hiện việc trao đổi thương mại. Những thương thuyền này thường rời Macao vào khoảng cuối tháng Chạp và đầu tháng Giêng, đến cửa Hải Phố hay Cửa Hàn. Sau khi bán hàng, họ phải đợi đến các tháng 4 - 5 hay các tháng 8 - 9, thì mới theo gió mùa trở về Macao. Đặc biệt từ khi Nguyễn Hoàng được trấn thủ đất Thuận Hoá (1558), sau này kiêm cả trấn Quảng Nam (1566), muốn tăng cường sức mạnh để đương đầu với họ Trịnh bên thông qua người nước ngoài để mua vũ khí trang bị cho quân đội thì việc giao thương buôn bán với người nước ngoài càng được xúc tiến mạnh mẽ. Một trong những khu vực giao lưu thương mại lớn nhất của Đàng Trong bấy giờ chính là vùng Cửa Hàn (Đà Nẵng) và Hải Phố (Hội An). Các giáo sĩ Công giáo theo những thương gia đến Quảng Nam, Đà Nẵng ngày càng nhiều, nên việc truyền đạo trong khu vực ở một chừng mực nhất định nào đó đã diễn ra: "Năm 1580 hai nhà truyền giáo Đa Minh khác: Grégoire de Motte người Pháp và Luis de Fonséca người Bồ Đào Nha, cũng từ Malacca vào đất Chân Lạp. Hai cha đã giảng đạo không những cho dân Miên mà còn cho cả dân Chiêm và Việt ở Quảng Nam nữa"⁽⁸⁾.

Như vậy, ngay từ thế kỉ XVI, quá trình truyền bá đạo Công giáo đã diễn ra ở Đàng Trong, với xuất phát điểm là vùng đất Quảng Nam, Đà Nẵng. Tại thời điểm đó, mảnh đất này đã có những người Việt là tín đồ Công giáo, chỉ ít và cụ thể là trường hợp được ghi nhận vào tháng 7/1615: "Khi cha Buzomi bắt đầu vào trấn Quảng Nam thì được quan trấn ở đây tiếp đãi tử tế bởi vì vị quan trấn này có một người chị tên là Phanxica đã được cha Dòng Phan Sinh ban Phép Rửa khoảng 30 năm về trước, con gái bà cũng theo đạo do một cha dòng Âu Tinh, đặt tên thánh là Gioanna..."⁽⁹⁾.

Từ những cứ liệu nêu trên, có thể khẳng định, đạo Công giáo, bằng nhiều cách, đã có mặt tại mảnh đất Quảng Nam, Đà Nẵng từ những năm cuối của thế kỉ XVI đầu XVII và công cuộc truyền giáo cũng được diễn ra từ đó. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố, công cuộc truyền đạo ấy chỉ như là bước thử nghiệm, với kết quả thu được còn khá khiêm tốn. Mãi đến năm 1615, với vai trò của Linh mục Francesco Buzomi, Dòng Tên, việc truyền bá Công giáo ở Đàng Trong mới thực sự phát triển.

Liên quan đến vấn đề này, chúng ta không thể không đề cập đến sự kiện xảy ra ở Nhật Bản năm 1613. Đây là thời điểm phong trào bài ngoại phát triển ở Nhật Bản, mà một trong những mục tiêu của phong trào hướng tới là các nhà truyền giáo Châu Âu.

7. Philipê Bình. *Truyện nước Nam, Đàng Ngoài chí Đàng Trong, Quyển 2*. Bản viết tay. Kê Chợ Portuga 1822, tr. 31. Có những tư liệu cho biết, Thánh Phanxicô Xavier chỉ đi qua biển Quảng Nam mà thôi, nhật kí của vị Thánh này cũng nói như vậy.

8. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo. Quyển 1*. Sđd, tr. 353.

9. Một Giáo sư Sử học. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam, Quyển 1*, tr.92.

Ngày 14/2/1614, Nhật hoàng Daifusana ban chiếu chỉ trục xuất các thừa sai Công giáo truyền đạo trên đất Nhật Bản. Trước tình thế đó, các giáo sĩ Dòng Tên phải tìm cách rời Nhật Bản lánh nạn ở Macao. Hải Phố (Hội An), nơi buôn bán sầm uất của Đàng Trong với nước ngoài đang có mặt nhiều thương nhân Nhật Bản có đạo, cũng là một địa chỉ tránh cuộc bắt đạo của nhiều giáo dân Nhật Bản. Họ rất cần sự giúp đỡ để duy trì đời sống đạo của các giáo sĩ thừa sai, do vậy Dòng Tên đã phái các linh mục F. Buzomi (Italia) và J. Carvalho (Bồ Đào Nha), hai trợ sĩ (Nhật Bản) là Giuse và Phaolô sang Việt Nam. Các giáo sĩ trên đến Việt Nam vừa để tránh nạn, vừa có nhiệm vụ khai thác các cơ hội thuận lợi để tiến hành truyền giáo ở vùng đất mới. Bởi lẽ, các giáo sĩ của Dòng Tên ở Macao trước đó đã được một thương nhân Bồ Đào Nha Ferdinand da Costa, người thường xuyên buôn bán ở Đàng Trong, cho biết về “một triển vọng tốt đẹp của việc cải giáo cho vương quốc này”⁽¹⁰⁾.

Việc Công giáo tìm đến Quảng Nam, Đà Nẵng làm mảnh đất đặt chân đầu tiên tại Việt Nam ắt hẳn xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó trước tiên phải kể đến là vị trí thuận lợi của địa bàn này. Đà Nẵng là nơi có những cảng biển tốt nhất ở nước ta lúc bấy giờ. Đây là nơi lí tưởng cho những con tàu vượt đại dương cập bến. C. Borri, một giáo sĩ Italia đến truyền giáo tại Đàng Trong từ năm 1618 đến năm 1621, đã nhận xét: “Hải cảng đẹp nhất, nơi tất cả người ngoại quốc đều tới và cũng là nơi có hội chợ danh tiếng chính là hải cảng thuộc tỉnh Quảng Nam. Người ta vào cảng ấy bằng hai cửa biển: một gọi là Touron (Đà Nẵng), và một gọi là

Pulliciampello (Hội An)”⁽¹¹⁾. Mặt khác, Đà Nẵng còn là vùng đất nằm ở trung độ của Việt Nam, không xa dinh trấn đầu não của Đàng Trong. Với vị trí thuận lợi này, các nhà truyền giáo sẽ dễ có cơ hội tiếp xúc với các chúa Nguyễn nhằm tranh thủ cho mục đích của mình. Việc truyền giáo sau khi cấm rỗi ở đây sẽ dễ dàng toả ra các vùng đất khác trong toàn nước Việt. Đà Nẵng không chỉ có vị trí thuận lợi với việc giao thương đối với Việt Nam mà còn với các quốc gia khác trong khu vực: khoảng cách Đà Nẵng - Hồng Kông là 550 hải lí, Đà Nẵng - Đài Loan là 850 hải lí, Đà Nẵng - Philippines là 740 hải lí, Đà Nẵng - Nhật Bản là 2.300 hải lí,... Bên cạnh đó, vùng đất Quảng Nam, Đà Nẵng còn là nơi có các sản vật địa phương phong phú, hàng hoá sầm uất nên các thương gia nước ngoài tập trung nhiều để buôn bán: “Hội An trở nên thương cảng mậu dịch với ngoại quốc và nơi đô hội buôn bán lớn nhất của Thuận, Quảng... Hội An chiếm địa vị ấy là vì Quảng Nam là trấn giàu có trong xứ, phần nhiều sản vật quý đều do đất ấy sản xuất, lại ở gần Chiêm Thành, Quy Nhơn, nên dễ tập hợp những sản vật mà thuyền buôn ngoại quốc cần dùng”⁽¹²⁾. Thêm nữa, ở Hải Phố - Hội An đã có sẵn một cộng đồng thương gia Nhật kiều là tín đồ Công giáo đang buôn bán hoặc đi lánh nạn diệt đạo của Nhật hoàng. Việc các giáo sĩ đến truyền đạo ở đây sẽ rất thuận lợi khi có một đội ngũ thông ngôn và am hiểu về vùng đất mới này trợ sức.

10. Nguyễn Văn Kiệm. *Sự du nhập của Thiên Chúa giáo vào Việt Nam*. Sđd, tr. 51.

11. Cristophoro Borri. *Xứ Đàng Trong năm 1621*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr. 91.

12. Phan Khoang. *Việt sử xứ Đàng Trong*. Sđd, tr. 415.

Sau 12 ngày vượt đại dương, chuyến tàu chở 4 nhà truyền giáo nêu trên đã tới Hải Phố (Hội An) vào ngày 18/1/1621. Tại đây, họ hầu như không gặp trở ngại nào từ phía chính quyền Đàng Trong lúc bấy giờ do Sãi vương đứng đầu. Nguyên nhân của điều này là: “Vì mãi lo củng cố binh lực, Sãi vương không để ý đến vấn đề tôn giáo, nên các cha tự do truyền đạo, lại còn được kính nể. Bởi vì đối với chúa Nguyễn, sự có mặt của các nhà truyền giáo trong nước, là bảo đảm cho sự trở lại của tàu buôn người Bồ, và nếu cần, nhà chúa rất có thể nhờ các ngài làm trung gian điều đình...”⁽¹³⁾.

Sau khi đến Hội An, Linh mục Buzomi cùng với các đồng sự đã dựng tạm một nhà nguyện cho giáo dân Nhật kiều và cho người Bồ Đào Nha, những người đến buôn bán ở trên mảnh đất này, để họ có thể thực hiện những nghi lễ tôn giáo. Nhà nguyện này cũng là trụ sở truyền giáo đầu tiên cho các tân tín đồ người Việt ở những vùng chung quanh đó⁽¹⁴⁾.

Công cuộc truyền đạo của các giáo sĩ được tiến hành ngay lập tức với sự phân công khá rõ ràng: “Cha Carvalho và hai thầy trợ sĩ phụ trách Nhật kiều Công giáo ở Hải Phố, cha Buzomi học tiếng Việt và giảng đạo cho người Việt. Dân Quảng Nam rất thích nghe cha Buzomi giảng bằng tiếng Việt...”⁽¹⁵⁾. Kết quả bước đầu thu được khá khả quan, có 10 người xin chịu Phép Rửa vào dịp lễ Phục Sinh năm 1615, trong số đó, có một thanh niên tên là Autinh xin theo giúp các giáo sĩ. Nhân vật này chính là thành viên đầu tiên của tổ chức Thày Giảng ở Đàng Trong.

Sau khi đã ổn định bước đầu, tháng 7/1615, Linh mục Buzomi bắt đầu mở

rộng địa bàn hoạt động. Thông qua sự hướng dẫn của những người dân địa phương, ông đã mở rộng công cuộc truyền giáo vào trấn Quảng Nam. Tại đây, Linh mục Buzomi không những được quan trấn tiếp đãi tử tế, mà còn được lo liệu về cơ sở thờ tự, nên việc truyền đạo bước khởi đầu khá thuận lợi.

Những kết quả của công cuộc truyền giáo ở “Xứ Nam” bước đầu xem như đã thành công và mang nhiều điều hứa hẹn. Đây chắc chắn là tin vui cho các bề trên của Dòng Tên, nên họ nghĩ đến việc phát triển công cuộc truyền giáo trên quy mô rộng lớn hơn.

Từ đầu năm 1616, Linh mục Andrea Fernández (Bồ Đào Nha) đã được phái sang thay thế Linh mục Carvalho. Năm 1617, Macao sai thêm 3 nhà truyền giáo người Bồ Đào Nha: 2 linh mục Francisco de Pina, Francisco Barreto và trợ sĩ Dias, sang hợp sức cùng Linh mục Buzomi. Một tín hiệu đáng mừng tiếp theo đối với các nhà truyền giáo, đó là ngay cuối năm ấy, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1613- 1635) cho phép Linh mục Buzomi xây 2 thánh đường: một ở Hải Phố và một ở Quảng Nam. Từ việc ổn định cơ sở thờ tự, việc truyền giáo diễn ra một cách thuận lợi hơn. Trong một thời gian ngắn, số giáo dân ở những vùng lân cận theo Công giáo đã lên tới 300 người. Năm 1618, Xứ Nam lại tiếp tục được bổ sung thêm 2 nhà

13. Một Giáo sư Sử học. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam. Quyển 1*. Sđd, tr. 90.

14. Có tài liệu còn cho rằng, Linh mục Buzomi còn lập một nhà thờ nữa tại một nơi có tên là Kean. Địa danh này về sau cũng được ghi lại trên tấm bản đồ nổi tiếng của Alexandre de Rhodes về năm 1650, nằm ở vị trí chân đèo Hải Vân. Kean ở đây có nghĩa là Kẻ Hàn-Đà Nẵng.

15. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo. Quyển 1*. Sđd, tr.358-359.

truyền giáo mới: P. Marquez người Bồ Đào Nha và đặc biệt là Cristophoro Borri người Italia.

Từ Hải Phố và Quảng Nam, các giáo sĩ, thông qua những mối quan hệ với các quan lại địa phương, dần mở rộng địa bàn hoạt động ra một vùng rộng lớn hơn. Các giáo sĩ được quan trấn thủ Quy Nhơn đưa vào và tạo điều kiện cho việc truyền đạo⁽¹⁶⁾. Từ năm 1618 đến năm 1620, ở Đàng Trong có 8 thừa sai Dòng Tên hoạt động, đó là: 3 linh mục Buzomi, Pina và Borri ở Quy Nhơn với hai thầy Días và Autinh; Linh mục Marques và hai thầy người Nhật Bản ở Hải Phố. Tại Hải Phố, thương gia Nhật Bản đến mỗi ngày một đông, có lúc lên tới trên nghìn người. Năm 1619, Linh mục Marquez rửa tội thêm 40 tân tòng và dựng một nhà nguyện riêng cho Nhật kiều. Năm 1621, Linh mục F. de Pina, sau một thời gian ở Quy Nhơn, khi đã khá thông thạo ngôn ngữ và phong tục người Việt, lại được phái trở về Quảng Nam cùng Linh mục Márques. Lần trở về này, với những kinh nghiệm từ trước, Linh mục De Pina thể hiện khả năng dung hoà linh hoạt. Một mặt, ông chú trọng đến giới nho gia trí thức và giới cầm quyền, mặt khác ông vẫn không xa quần chúng bình dân. Với cách tiếp cận hoà đồng, ngay từ năm 1622, ông đã rửa tội cho 275 người. Đây là một kết quả đáng kể đối với lúc bấy giờ, khi Công giáo còn hết sức xa lạ với văn hoá, phong tục và tín ngưỡng của người Việt.

Những năm tiếp theo, với tất cả là 10 linh mục, đạo Công giáo từ Quảng Nam đã phát triển rộng khắp các địa bàn lớn ở Xứ Nam. Có những lần truyền giáo đã thu hút đến hàng nghìn người tham dự⁽¹⁷⁾.

Nhắc đến quá trình đạo Công giáo truyền bá ở Quảng Nam, Đà Nẵng nói riêng và ở Việt Nam nói chung, không thể không đề cập đến một nhân vật rất nổi tiếng, đó là A.de Rhodes. Vị giáo sĩ này đến Việt Nam vào tháng 10/1624⁽¹⁸⁾. Dĩ nhiên, điểm đến đầu tiên của ông vẫn là vùng đất Quảng Nam, Đà Nẵng. Ngay tại điểm đặt chân đầu tiên này, việc truyền giáo của A.de Rhodes đã đạt nhiều kết quả khả quan như lời tự thuật của ông: “Năm 1625, đạo Kitô được truyền bá trong khắp các nơi ở Đàng Trong... Tôi làm việc với cha Francois de Pina ở tỉnh Quảng Nam, nơi có một số rất đông lương dân chịu phép rửa tội...”⁽¹⁹⁾.

Từ Hoài Phố (Hội An), A. de Rhodes đã thông qua nhiều con đường để tiếp cận được vị chúa Nguyễn Đàng Trong khi ấy là chúa Sãi Vương. Sau khi thuyết phục, “Cha Đắc Lộ cộng tác với cha Pina ở Quảng Nam và Thuận Hoá. Tại Dinh Cát, cha Pina đã rửa tội cho một vương phi rất sùng Phật xin theo đạo và nhận tên thánh Maria Madalena, tức Maria Minh Đức vương thái phi”⁽²⁰⁾. Việc theo đạo của bà Maria, một người họ hàng của chúa Nguyễn, đã đánh dấu một bước tiến trong lịch sử truyền đạo Công

16. Xem: Chương 9 với tiêu đề *Quan trấn thủ Quy Nhơn đưa các cha dòng đến tỉnh ông cai quản và cho dựng một chú sở và một nhà thờ cho các cha* trong tác phẩm *Xứ Đàng Trong năm 1621* của Cristophoro Borri. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.

17. Xem: Một Giáo sư Sử học. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam. Quyển 1*, tr. 103.

18. Trong *Hành trình và truyền giáo*, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 1994, trang 55, A. de Rhodes viết: “Chúng tôi khởi hành từ Macao vào tháng 10 năm 1624, và sau 19 ngày thì tới Đàng Trong...”.

19. A. de Rhodes. *Hành trình và truyền giáo*. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr.57.

20. Nguyễn Văn Kiệm. *Sự du nhập của Thiên Chúa giáo vào Việt Nam*. Sđd, tr.54.

giáo ở Đàng Trong. Sự có mặt của bà không những bảo đảm cho công cuộc truyền giáo, mà còn thuyết phục được nhiều người theo đạo Công giáo. Bà đã thuyết phục nhiều người theo đạo và che chở cho các giáo sĩ, lại lập một nhà nguyện trong khu nhà ở của mình. Lần tiếp theo, A.de Rhodes đến Quảng Nam là năm 1642. Từ Quảng Nam, trong vòng 2 năm, vị giáo sĩ này đã mở rộng địa bàn truyền giáo ra khắp Đàng Trong, với kết quả đạt được rất đáng kể: “Tất cả chúng tôi cùng nhau đi khắp các tỉnh, các làng các xã ở Đàng Trong. Thiên Chúa phù hộ ban ơn giúp đỡ chúng tôi và số giáo dân trong một thời gian ngắn đã thêm được hơn một ngàn”⁽²¹⁾.

Trước khi đến Macao rồi về hẳn Châu Âu năm 1645, toàn bộ thời gian A. de Rhodes thực sự có mặt ở Việt Nam chỉ chừng hơn 8 năm, song ông đã chứng tỏ là nhân vật có vai trò hết sức đặc biệt đối với việc truyền giáo ở Việt Nam. A.de Rhodes, với sự đóng góp của mình, đã cùng các giáo sĩ xây dựng được nền móng đầu tiên cho Giáo hội Công giáo ở Việt Nam mà cơ sở trung tâm đầu tiên là vùng đất Quảng Nam. Đặc biệt, việc dùng kí tự Latinh tạo ra chữ Quốc ngữ và biên soạn cuốn tự điển *Việt - Bồ - Latinh*, A.de Rhodes đã có một công cụ hữu dụng để giúp các giáo sĩ thực hiện một bước nhảy vọt trong việc truyền đạo.

Có thể thấy, quá trình truyền giáo ở Quảng Nam, Đà Nẵng bước đầu khá thuận lợi do: sự hỗ trợ của cộng đồng ngoại kiều; khả năng tận dụng uy tín và sự ủng hộ của một số nhân vật nổi tiếng như các chúa Nguyễn, Minh Đức vương thái phi, quan lại ở các trấn Quảng Nam, Quy Nhơn...; đặc biệt là hoàn cảnh lịch sử với sự cạnh tranh của

các thế lực chính trị ở Việt Nam đương thời,... Tuy nhiên, do nhiều yếu tố mâu thuẫn, xung đột lúc đó đã có mầm mống nảy sinh khiến cho quá trình truyền đạo gặp không ít thử thách. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau như: sự khác biệt về tín ngưỡng, tôn giáo; sự cứng nhắc của một số giáo sĩ trong việc thích nghi với văn hoá bản địa; chính sách không nhất quán đối với Công giáo của các chúa Nguyễn; sự dính líu của các nhà truyền giáo vào vấn đề chính trị; sự bất đồng giữa các dòng truyền giáo,... Những vấn đề này, chúng tôi xin được đề cập đến khi có dịp.

Điểm lại từ những bước đi đầu tiên đến năm 1615 với dấu ấn của giáo sĩ Buzomi cho đến thời kì A. de Rhodes trở lại Macao (1645), đạo Công giáo đã từ Quảng Nam được truyền bá rộng rãi ra các tỉnh lân cận với số giáo dân đáng kể. Có tài liệu cho rằng, con số giáo dân thời kì này lên đến gần 50.000 người⁽²²⁾. Đây là bước tạo đà quan trọng đầu tiên để các giáo sĩ “Hội Thừa sai Paris” của Pháp tiếp tục đẩy mạnh công cuộc truyền giáo về sau.

Những nét điểm xuyết nêu trên có lẽ cũng đủ để chúng ta khẳng định rằng, Quảng Nam, Đà Nẵng chính là trung tâm truyền giáo thực sự có kết quả đầu tiên của đạo Công giáo ở nước ta, từ đây lan toả ra các khu vực khác. Chính bởi vậy, mảnh đất này đã được Giáo hội Công giáo Việt Nam xem là điểm khởi đầu, khai mở cho một trang sử du nhập và truyền bá của đạo Công giáo ở nước ta./.

21. A. de Rhodes. *Hành trình và truyền giáo*. Sđd, tr.116-117.

22. Xem: Một Giáo sư Sử học. *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam. Quyển 1*. Sđd, tr.201.